HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /2022/NQ-HĐND	*Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ học phí năm học 2022-2023 cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông công lập và ngoài công lập; học viên học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ học phí năm học 2022-2023 cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông công lập và ngoài công lập; học viên học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 114 /BC-VHXH ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ một phần học phí năm học 2022-2023 cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông công lập và ngoài công lập; học viên học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thụ hưởng

a) Trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi đang học thực tế tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập được thành lập hoặc cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Học sinh trung học phổ thông đang học chương trình phổ thông tại các trường trung học phổ thông công lập và ngoài công lập được thành lập hoặc cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

c) Học viên học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông được thành lập theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

b) Trường hợp có sự trùng lặp về chính sách hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn.

2. Mức hỗ trợ

Đối tượng hỗ trợ	**Mức hỗ trợ học phí (đồng/tháng/trẻ em, học sinh, học viên)**	
	Thành thị	**Nông thôn**
Trẻ nhà trẻ	180.000	25.000
Trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi	195.000	55.000
Trung học phổ thông	210.000	140.000
Giáo dục thường xuyên	200.000	130.000

3. Thời gian hỗ trợ

Hỗ trợ theo số tháng học tập thực tế tại các cơ sở giáo dục theo quy định, tối đa không quá 09 tháng.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ, cách thức thực hiện

1. Hình thức hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho các cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên để thực hiện chính sách hỗ trợ này.

b) Ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông ngoài công lập để thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Cách thức thực hiện

a) Các cơ sở giáo dục mầm non tổng hợp danh sách các đối tượng được hỗ trợ học phí theo mẫu số 01, mẫu số 03 (đối với cơ sở ngoài công lập) và mẫu số 02, mẫu số 03 (đối với cơ sở công lập) kèm theo Nghị quyết này gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Các cơ sở giáo phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên tổng hợp danh sách các đối tượng được hỗ trợ học phí theo mẫu số 01, mẫu số 03 (đối với cơ sở ngoài công lập) và mẫu số 02, mẫu số 03 (đối với cơ sở công lập) kèm theo Nghị quyết này gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp kinh phí hỗ trợ theo mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết này gửi cơ quan tài chính thẩm định tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giao dự toán cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập cùng với kỳ giao dự toán hàng năm.

đ) Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trước ngày 10 hàng tháng.

e) Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán cho Sở Giáo dục và Đào tạo để phân bổ cho các trường trung học phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên cùng với kỳ giao dự toán hàng năm.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ cho học sinh tại các trường trung học phổ thông ngoài công lập trước ngày 10 hàng tháng.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 16 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, SGDĐT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Phạm Viết Thanh

Mẫu số 01 kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ/HỌC SINH

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập)

Lớp:

STT	Họ và tên trẻ em/học sinh	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Họ và tên cha mẹ/ người giám hộ trẻ em/học sinh	Địa chỉ cha mẹ/ người giám hộ trẻ em/học sinh	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1 x 2	4	5	6
1							
2							
3							
....							
	Tổng cộng						

……, ngày …… tháng …… năm……

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02 kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ/HỌC SINH

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập)

Lớp:

STT	Họ và tên trẻ em/học sinh	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1 x 2	4
1					
2					
3					
….					
	Tổng cộng				

……, ngày …… tháng …… năm……

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03 kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ

Đơn vị: đồng

STT	Khối	Số đối tượng được hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền
A	B	1	2	3	4 = 1x2 x 3
I	**Khối ……**				
1	Lớp ….				
2	Lớp ….				
…..					
II	**Khối ……**				
1	Lớp ….				
2	Lớp ….				
…..					
	Tổng cộng				

……, ngày …… tháng …… năm……

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND

UBND HUYỆN/THỊ XÃ, THÀNH PHỐ .....
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG TỔNG HỢP CẤP BÙ HỌC PHÍ

(Dành cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Tổng số học sinh	Mức học phí	Số tháng	Tổng kinh phí cấp bù	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 1 x 2 x3	5
1	Trường					
	- Khối					
	- Khối					
	.....					
2	Trường					
	- Khối					
	- Khối					
	.....					
	Tổng cộng					

……, ngày …… tháng …… năm……

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)